

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

15/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	380758	Nguyễn Đăng Hữu	3807	10	22	23	24	66	430	310	740	10.0
2	380622	Hồ Thị Linh	3806	8	16	11	6	66	190	310	500	8.5
3	381424	Bùi Hoàng Hồng Hạnh	3814	6	8	7	29	52	250	225	475	8.5
4	380230	Tạ Thị Nhung	3802	8	11	17	15	45	255	180	435	
5	380228	Lê Thị Lan	3802	7	12	13	11	45	200	180	380	
6	382509	Bùi Anh Tuấn	3825	6	12	12	16	41	220	160	380	
7	380247	Đào Thị Ngọc Dung	3802	4	15	10	11	36	185	125	310	
8	381405	Lê Bảo Nam	3814									
9	391814	Phạm Thị Phương Trinh	3918	7	26	22	15	93	380	470	850	10.0
10	392425	Đỗ Thị Nga	3924	10	25	23	24	80	450	395	845	10.0
11	391746	Nguyễn Thị Minh Hà	3917	3	21	13	30	94	360	480	840	10.0
12	392171	Dương Hồng Dương	3921	8	19	18	28	83	395	410	805	10.0
13	391740	Nguyễn Thị Thu Uyên	3917	5	11	30	30	78	410	385	795	10.0
14	392166	Đỗ Thu Hà	3921	8	13	29	10	94	315	480	795	10.0
15	392167	Phan Thu Trang	3921	7	17	30	30	66	465	310	775	10.0
16	390261	Nguyễn Thanh Tùng	3902	9	27	25	19	67	440	320	760	10.0
17	392028	Lê Thị Thuỳ Linh	3920	10	20	30	15	72	405	350	755	10.0
18	390957	Trần Văn Ba	3909	5	14	16	14	100	245	495	740	10.0
19	392716	Đinh Quỳnh Trang	3927	8	23	22	18	72	385	350	735	10.0
20	391041	Nguyễn Khánh Ninh	3910	4	27	24	15	72	380	350	730	10.0
21	390161	Nguyễn Linh Chi	3901	9	17	24	22	69	390	330	720	10.0
22	390719	Nguyễn Trí Thiện	3907	9	27	24	19	63	430	290	720	10.0
23	390463	Nguyễn Tá Sơn	3904	8	22	18	15	78	330	385	715	10.0
24	392145	Trần Quang Huy	3921	6	16	13	13	92	240	465	705	10.0
25	391568	Đặng Huy Hoàng	3915	8	11	8	16	97	200	495	695	10.0
26	391745	Lưu Quỳnh Mai	3917	4	14	15	16	90	245	450	695	10.0
27	392239	Trần Thị Ngân	3922	10	23	24	15	65	390	305	695	10.0
28	392873	Nguyễn Tuấn Tú	3928	6	22	16	21	68	345	325	670	10.0
29	391921	Nguyễn Phương Thảo	3919	4	13	12	16	90	215	450	665	10.0
30	392242	Đinh Minh Thu	3922	8	14	13	12	88	230	435	665	10.0
31	392329	Lê Quỳnh Nga	3923	7	15	22	27	61	385	280	665	10.0
32	391546	Nguyễn Đức Hiệp	3915	5	12	30	9	75	290	365	655	10.0
33	391755	Lê Xuân Trung	3917	7	25	23	20	53	405	230	635	10.0
34	391310	Trần Thị Mỹ Nhật	3913	7	25	20	15	60	360	270	630	10.0
35	392045	Nguyễn Kiều Trinh	3920	9	15	18	18	64	315	300	615	10.0
36	392123	Lã Ngọc Nam	3921	9	23	22	19	51	395	220	615	10.0
37	391221	Trương Thị Kim Oanh	3912	8	18	19	16	63	320	290	610	10.0
38	391730	Trần Xuân Tùng	3917	4	12	13	10	87	180	430	610	10.0
39	392627	Vũ Thu Dung	3926	7	23	22	17	55	370	240	610	10.0
40	391441	Hoàng Thị Oanh	3914	7	18	18	21	59	340	265	605	10.0
41	390949	Phạm Thị Vân	3909	7	18	27	11	60	330	270	600	10.0
42	391722	Phạm Thị Thuỳ	3917	7	15	12	12	76	220	370	590	10.0
43	392210	Nguyễn Thị Thanh Huyền	3922	7	14	17	14	68	260	325	585	10.0
44	392271	Trần Thị Hải Yến	3922	9	23	19	16	51	360	220	580	10.0
45	390821	Trần Hương Liên	3908	8	24	15	14	57	320	255	575	10.0
46	392851	Đặng Thùy Dương	3928	9	19	20	13	57	320	255	575	10.0
47	391204	Nguyễn Thị Thu Hiền	3912	5	22	18	14	58	310	260	570	9.5
48	392034	Hạ Thị Hà	3920	9	12	6	8	83	160	410	570	9.5

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

15/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	391922	Vũ Xuân Đô	3919	9	16	15	14	63	275	290	565	9.5
50	392224	Nguyễn Thu Trang	3922	6	20	17	11	63	275	290	565	9.5
51	391723	Nguyễn Quang Vinh	3917	7	15	19	13	61	275	280	555	9.5
52	390359	Phạm Thảo Linh	3903	6	20	12	11	64	245	300	545	9.5
53	390363	Nguyễn Ngọc Sơn	3903	6	19	19	16	53	315	230	545	9.5
54	392244	Vũ Thị Thảo	3922	6	18	20	19	49	330	210	540	9.5
55	392526	Tạ Thị Dung	3925	4	17	14	14	62	245	285	530	9.0
56	392040	Mai Thùy Linh	3920	9	18	12	21	48	315	200	515	9.0
57	392250	Lê Thị Hiền	3922	8	22	16	14	48	315	200	515	9.0
58	392404	Nguyễn Thị Quyên	3924	7	19	27	13	42	350	165	515	9.0
59	392856	Nguyễn Thị Hải	3928	4	19	18	11	56	260	250	510	9.0
60	391511	Dương Thị Thắm	3915	7	17	12	18	53	275	230	505	9.0
61	392248	Lưu Khánh Linh	3922	7	19	19	9	53	275	230	505	9.0
62	392632	Nguyễn Thị Hảo	3926	6	14	7	9	71	165	340	505	9.0
63	390108	Hoàng Thị Bích	3901	6	16	14	11	60	230	270	500	8.5
64	390726	Phạm Thị Thu	3907	6	20	13	11	56	250	250	500	8.5
65	392326	Đoàn Thị Phương Thảo	3923	10	7	15	13	62	215	285	500	8.5
66	390124	Đặng Thị Thu Hà	3901	5	22	13	14	50	275	215	490	8.5
67	391654	Cao Thị Hồng Nhung	3916	7	15	20	17	45	310	180	490	8.5
68	390541	Vũ Thị Hằng	3905	6	18	16	13	50	270	215	485	8.5
69	390637	Nông Thị Thuỷ	3906	7	17	17	12	50	270	215	485	8.5
70	390749	Vũ Minh Ngọc	3907	7	20	16	17	43	315	170	485	8.5
71	390102	Đỗ Thị Hương Giang	3901	7	18	16	17	45	300	180	480	8.5
72	390813	Trần Thị Bích Ngọc	3908	4	13	7	14	65	175	305	480	8.5
73	391247	Nguyễn Hồng Diệp	3912	4	16	17	11	55	240	240	480	8.5
74	392051	Nguyễn Thị Loan	3920	5	17	13	13	55	240	240	480	8.5
75	392464	Nguyễn Thị Thu	3924	4	12	10	30	46	290	190	480	8.5
76	390721	Trần Thị Phương Anh	3907	6	18	15	18	45	295	180	475	8.5
77	390153	Nguyễn Thanh Hiền	3901	8	14	20	11	48	270	200	470	8.0
78	391556	Vũ Thị Hải Yến	3915	6	17	15	15	48	270	200	470	8.0
79	390733	Phạm Thu Hoài	3907	7	19	17	14	43	295	170	465	8.0
80	391004	Đổng Thanh Huệ	3910	7	16	17	16	44	290	175	465	8.0
81	391332	Lê Thị Thảo Trang	3913	4	15	14	11	57	210	255	465	8.0
82	392043	Lại Phương Uyên	3920	6	12	12	8	63	175	290	465	8.0
83	392402	Nguyễn Đà Giang	3924	10	14	7	10	60	190	270	460	8.0
84	390740	Nguyễn Thanh Hằng	3907	6	12	9	27	43	275	170	445	
85	391817	Trần Hoàng Mỹ Linh	3918	6	13	14	13	52	220	225	445	
86	392048	Đới Thị Thơm	3920	8	19	9	17	44	270	175	445	
87	392527	Phạm Thị Như Trang	3925	7	15	9	10	57	190	255	445	
88	390123	Nguyễn Thị Lan Anh	3901	7	13	16	11	49	230	210	440	
89	390734	Lê Thị Ngân	3907	6	16	14	14	46	250	190	440	
90	391858	Nguyễn Hoàng Anh	3918	4	13	9	8	63	150	290	440	
91	392471	Nguyễn Chí Trung	3924	6	19	13	15	43	270	170	440	
92	391721	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	3917	8	14	16	14	43	260	170	430	
93	392049	Lê Thị ánh	3920	3	15	11	9	57	175	255	430	
94	392822	Lê Thị Ngọc Lan	3928	8	20	19	12	34	310	115	425	
95	390243	Đặng Thị Hương Nhi	3902	6	15	19	13	40	270	150	420	
96	390404	Khương Văn Trang	3904	7	13	15	17	41	260	160	420	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

15/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	392325	Nguyễn Thị Trang	3923	6	14	12	14	48	220	200	420	
98	391929	Nguyễn Sỹ Sơn	3919	9	11	8	11	54	180	235	415	
99	392158	Trịnh Văn Anh	3921	5	10	9	14	55	175	240	415	
100	391240	Lương Thị Minh Thu	3912	5	17	8	12	50	195	215	410	
101	390770	Nguyễn Thị Bảo Quyên	3907	6	14	11	10	50	190	215	405	
102	390840	Hà Thị Tuyết Mai	3908	4	18	14	11	44	230	175	405	
103	391325	Lê Thị Yến	3913	3	15	18	13	41	245	160	405	
104	391704	Nguyễn Thị Ngọc Mai	3917	8	14	16	13	39	255	145	400	
105	392226	Nguyễn Thị Bích Loan	3922	7	18	16	14	35	280	120	400	
106	390240	Trần Ngọc Huyền	3902	6	15	13	12	44	220	175	395	
107	391534	Lê Phương Oanh	3915	7	17	6	14	44	210	175	385	
108	392052	Đặng Thị Quý	3920	4	12	12	8	50	165	215	380	
109	390727	Quách Thị Quỳnh Mai	3907	4	16	7	13	46	185	190	375	
110	390334	Phạm Hải Anh	3903	8	19	11	8	39	220	145	365	
111	392053	Nguyễn Thị Hòa	3920	6	18	9	11	40	210	150	360	
112	390134	Tạ Thị Giang	3901	5	13	7	13	45	175	180	355	
113	390332	Phạm Thị Trang	3903	10	8	15	15	34	240	115	355	
114	392125	Nguyễn Thị Thu Trang	3921	4	15	18	14	32	255	100	355	
115	391608	Trịnh Tiến Dũng	3916	9	11	10	14	38	210	140	350	
116	392054	Nguyễn Thị Nhung	3920	6	13	9	9	44	170	175	345	
117	392408	Hoàng Anh Thơ	3924	6	11	17	13	34	230	115	345	
118	390432	Nguyễn Thị Vân Anh	3904	8	13	15	9	36	215	125	340	
119	391234	Nguyễn Minh Diệu	3912	4	8	6	9	52	115	225	340	
120	391524	Đỗ Thị Hà Trang	3915	4	15	7	10	43	165	170	335	
121	391907	Đinh Thị Hào	3919	5	13	11	8	41	170	160	330	
122	390824	Lê Thị Thi	3908	3	13	12	10	40	175	150	325	
123	391327	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	3913	5	12	11	14	37	195	130	325	
124	391133	Ô Thị Thủy Trang	3911	7	11	16	16	25	250	60	310	
125	391611	Nguyễn Thị Hoài	3916	4	10	13	14	35	190	120	310	
126	392050	Trần Thị Mai	3920	7	7	10	7	40	135	150	285	
127	392416	Phan Thị Thu Huệ	3924	5	14	14	11	27	210	70	280	
128	391469	Đào Việt Mỹ	3914	5	9	10	12	33	165	110	275	
129	392149	Mai Ngọc Huyền	3921	6	18	6	6	33	165	110	275	
130	392518	Nguyễn Văn Phương	3925	4	14	7	13	32	175	100	275	
131	390206	Nguyễn Đỗ Ngọc Oanh	3902	10	10	5	12	29	170	85	255	
132	392208	Lê Thị Hiền	3922	5	7	11	8	35	135	120	255	
133	390471	Trương Ngọc Anh	3904	5	13	13	13	22	210	40	250	
134	392022	Đặng Thùy Anh	3920	1	14	6	11	33	140	110	250	
135	391521	Tòng Thị Thảo	3915	4	13	12	9	27	175	70	245	
136	390329	Nguyễn Thị Quỳnh Châm	3903	6	8	13	10	27	170	70	240	
137	390310	Nguyễn Thủy Linh	3903	5	12	8	8	28	145	80	225	
138	392770	Lê Thị Hải Yến	3927	1	7	10	11	30	125	90	215	
139	390433	Nguyễn Duy Khánh	3904	3	13	7	10	26	145	65	210	
140	390450	Nguyễn Công Thành	3904	5	8	11	8	27	140	70	210	
141	390815	Nguyễn Thị Thúy Hằng	3908	9	9	6	9	26	145	65	210	
142	390169	Trịnh Thị Phương	3901	4	8	9	12	22	145	40	185	
143	392140	Đinh Quỳnh Anh	3921	5	17	12	5	2	180	5	185	
144	390209	Nguyễn Hồng Sơn	3902	3	12	7	11	20	145	30	175	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

15/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
145	390266	Bùi Thị Tuyến	3902	4	8	7	9	22	120	40	160	
146	390658	Trần Thị Minh Thủy	3906				10	33	25	110	135	
147	392023	Nguyễn Thị Chúc Linh	3920	2	8	7	8	21	100	35	135	
148	390422	Nguyễn Thị Ngọc Anh	3904					25		60	60	
149	390451	Lý Quỳnh Hoa	3904									
150	390834	Nguyễn Thị Giang	3908									
151	390843	Nguyễn Thị Thu Dung	3908									
152	403028	Ngô Thị Khánh Quỳnh	4030A	6	22	20	22	88	380	435	815	10.0
153	401822	Phạm Thị Việt Hà	4018	8	20	19	18	80	345	395	740	10.0
154	402258	Hà Thị Xuyến	4022	Vi phạm quy chế (nhờ người thi hộ)								
155	403010	Trần Hải Nam	4030A	5	27	26	20	64	425	300	725	10.0
156	401140	Phùng Thị Ngọc Trinh	4011	9	22	18	23	69	390	330	720	10.0
157	402262	Trần Thị Hồng Vinh	4022	8	27	18	16	72	370	350	720	10.0
158	401921	Vũ Thanh Huyền	4019	10	28	22	26	54	475	235	710	10.0
159	402018	Lê Huyền Thảo My	4020	10	29	23	17	60	430	270	700	10.0
160	403257	Nguyễn Quang Hưng	4032	7	23	23	16	69	370	330	700	10.0
161	401529	Lê Thùy Dương	4015	7	23	22	18	63	380	290	670	10.0
162	402028	Nguyễn Nhật Đức	4020	10	12	30	30	50	450	215	665	10.0
163	403603	Nguyễn Thị Hồng	4036	7	23	21	17	64	365	300	665	10.0
164	400415	Nguyễn Thị Khánh Linh	4004	7	29	18	18	55	390	240	630	10.0
165	400631	Pờ Minh Chuyên	4006	6	23	17	10	64	290	300	590	10.0
166	402273	Trần Cao Quỳnh Hương	4022	8	19	16	14	61	295	280	575	10.0
167	400912	Lê Gia Thịnh	4009	9	18	16	17	54	315	235	550	9.5
168	400921	Trần Thị Khánh Linh	4009	9	23	17	22	40	385	150	535	9.5
169	402464	Đỗ Thị Thảo Anh	4024	6	27	18	10	48	320	200	520	9.0
170	401018	Tống Kiên Định	4010	5	19	19	15	50	300	215	515	9.0
171	402622	Đàm Thị Thanh Nhân	4026	10	21	26	20	31	420	95	515	9.0
172	402503	Hoàng Bích Ngọc	4025	10	11	13	13	60	230	270	500	8.5
173	403035	Đinh Thu Thảo	4030A	9	22	18	13	44	325	175	500	8.5
174	401138	Chu Thị Na	4011	10	16	15	15	47	290	195	485	8.5
175	400626	Trần Thị Trang	4006	7	16	13	11	55	230	240	470	8.0
176	402017	Đàm Ngọc Mai Phương	4020	8	15	12	14	48	245	200	445	
177	400903	Phạm Thị Hương Ly	4009	8	18	11	15	43	260	170	430	
178	400412	Lê Thanh Huyền	4004	7	13	16	24	33	315	110	425	
179	402633	Phạm Trà Giang	4026	6	10	9	12	57	170	255	425	
180	401037	Chu Quốc Toàn	4010	2	14	11	13	52	185	225	410	
181	401857	Nguyễn Hồng Nhung	4018	5	18	18	12	38	270	140	410	
182	400913	Vi Công Sang	4009	3	12	4	9	60	120	270	390	
183	403004	Nguyễn Tuấn Anh	4030A	8	15	13	18	34	275	115	390	
184	400961	Phùng Minh Dũng	4009	3	12	8	8	55	135	240	375	
185	400915	Tiêu Thị Thu Trang	4009	3	8	7	10	55	120	240	360	
186	401531	Đoàn Thị Khánh Hoà	4015	3	17	17	9	38	220	140	360	
187	400902	Nguyễn Hà Vi	4009	4	12	13	10	41	180	160	340	
188	401907	Phan Như Quỳnh	4019	5	14	8	11	38	175	140	315	
189	400431	Ngô Thị Thủy	4004	6	12	8	11	37	170	130	300	
190	401503	Nguyễn Thị Dịu	4015	6	13	8	14	31	190	95	285	
191	401502	Nguyễn Tùng Dương	4015	5	9	13	8	34	160	115	275	
192	401506	Quán Vi Xuân Sang	4015	3	13	14	8	29	175	85	260	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : 15/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
193	400841	Nguyễn Văn Bình	4008	2	9	7	10	35	120	120	240	
194	400905	Trần Hải Ly	4009	6	9	9	12	27	165	70	235	
195	403343	Hoàng Châu Bình	4033	3	14	8	10	23	160	45	205	
196	400269	Quách Thị Thủy	4002	6	7	11	9	21	145	35	180	
197	400870	Bùi Văn Kiên	4008	3	11	11	6	17	135	15	150	
198	401860	Nguyễn Việt Hoàng	4018									
199	403034	Đỗ Huyền Linh	4030A									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2017

TRUNG TÂM CNTT

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU